

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 2019 - CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO**

| STT | MSSV     | Họ tên                | NTNS       | Phái | Mã lớp |
|-----|----------|-----------------------|------------|------|--------|
| 1   | 19127012 | Vũ Nguyễn Thái Bình   | 30/12/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 2   | 19127039 | Trần Hoàng Kim        | 15/07/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 3   | 19127049 | Đoàn Hương Ngân       | 22/05/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 4   | 19127118 | Tạ Công Điền          | 26/08/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 5   | 19127186 | Lê Thành Khôi         | 08/10/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 6   | 19127206 | Trịnh Quốc Huy Long   | 17/01/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 7   | 19127226 | Hoàng Văn Nguyên      | 24/02/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 8   | 19127251 | Trần Anh Quân         | 17/01/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 9   | 19127263 | Nguyễn Hoàng Sơn      | 07/11/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 10  | 19127273 | Huỳnh Thị Mỹ Thanh    | 10/11/2001 | Nữ   | 19CLC1 |
| 11  | 19127305 | Nguyễn Quốc Trung     | 24/08/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 12  | 19127312 | Ngô Nguyễn Kiệt Tường | 29/03/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 13  | 19127322 | Nguyễn Trung Tín      | 17/01/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 14  | 19127324 | Đào Duy An            | 06/12/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 15  | 19127327 | Lê Hoàng Thiên Ân     | 23/07/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 16  | 19127348 | Bùi Công Danh         | 21/03/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 17  | 19127353 | Lê Tấn Đạt            | 17/12/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 18  | 19127355 | Nguyễn Đức Đạt        | 18/11/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 19  | 19127403 | Nguyễn Trung Hiếu     | 10/01/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 20  | 19127409 | Phan Huy Hoàng        | 23/06/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 21  | 19127421 | Lê Vũ Huy             | 03/06/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 22  | 19127425 | Võ Quang Huy          | 28/07/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 23  | 19127428 | Nguyễn Minh Kha       | 16/02/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 24  | 19127439 | Nguyễn Lê Quốc Khánh  | 18/08/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 25  | 19127445 | Nguyễn Ngọc Anh Khoa  | 22/02/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 26  | 19127452 | Nguyễn Đăng Khôi      | 28/02/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 27  | 19127461 | Trần Thị Thùy Linh    | 20/12/2001 | Nữ   | 19CLC1 |
| 28  | 19127463 | Nguyễn Hoàng Long     | 05/01/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 29  | 19127473 | Nguyễn Tấn Minh       | 09/08/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 30  | 19127474 | Phạm Cao Minh         | 17/07/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 31  | 19127490 | Lưu Danh Nhân         | 16/07/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 32  | 19127507 | Nguyễn Quang Phú      | 28/05/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 33  | 19127512 | Lâm Hoàng Phúc        | 15/02/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 34  | 19127516 | Trần Xuân Phước       | 01/01/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 35  | 19127518 | Lê Hoàng Thịnh Phước  | 26/11/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 36  | 19127541 | Nguyễn Thái Sơn       | 09/03/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 37  | 19127547 | Nguyễn Cao Thắng      | 07/03/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 38  | 19127552 | Nguyễn Thanh Thảo     | 02/05/2000 | Nữ   | 19CLC1 |
| 39  | 19127555 | Hoàng Thiện           | 16/12/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 40  | 19127564 | Nguyễn Hữu Thông      | 17/06/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 41  | 19127593 | Lê Tiến Trí           | 10/11/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 42  | 19127605 | Nguyễn Hoàng Trung    | 14/11/2001 | Nam  | 19CLC1 |
| 43  | 19127634 | Nguyễn Thanh Vũ       | 30/04/2001 | Nam  | 19CLC1 |

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 2019 - CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO**

| STT | MSSV     | Họ tên                 | NTNS       | Phái | Mã lớp |
|-----|----------|------------------------|------------|------|--------|
| 1   | 19127014 | Đàm Hải Đăng           | 15/01/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 2   | 19127121 | Hoàng Minh Đức         | 22/07/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 3   | 19127141 | Phan Minh Hiếu         | 18/01/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 4   | 19127150 | Nguyễn Hứa Hùng        | 21/06/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 5   | 19127157 | Lê Minh Huy            | 20/11/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 6   | 19127181 | Bạch Minh Khôi         | 07/07/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 7   | 19127203 | Nguyễn Cao Thiên Long  | 21/05/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 8   | 19127325 | Nguyễn Hữu Hoàng An    | 25/04/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 9   | 19127329 | Lê Hoàng Anh           | 19/09/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 10  | 19127340 | Trần Lê Quốc Bảo       | 16/09/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 11  | 19127345 | Lâm Quốc Cường         | 24/06/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 12  | 19127346 | Nguyễn Nhật Cường      | 16/02/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 13  | 19127354 | Lê Thành Đạt           | 02/02/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 14  | 19127377 | Nguyễn Huỳnh Khánh Duy | 28/11/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 15  | 19127379 | Phạm Đức Duy           | 12/12/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 16  | 19127382 | Đinh Hải Giang         | 21/09/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 17  | 19127391 | Tô Vũ Thái Hào         | 03/04/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 18  | 19127394 | Nguyễn Hữu Hiền        | 22/07/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 19  | 19127405 | Trần Minh Hiếu         | 15/02/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 20  | 19127407 | Nguyễn Huy Hoàng       | 26/09/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 21  | 19127431 | Đặng Duy Khang         | 09/09/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 22  | 19127433 | Hồng Kiện Khang        | 23/10/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 23  | 19127434 | Huỳnh Nhật Khang       | 05/04/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 24  | 19127435 | Nguyễn Trần Gia Khang  | 21/09/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 25  | 19127436 | Tăng Tường Khang       | 19/01/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 26  | 19127443 | Hồ Đăng Khoa           | 26/03/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 27  | 19127453 | Phạm Minh Khôi         | 15/12/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 28  | 19127455 | Nguyễn Vũ Duy Khương   | 30/07/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 29  | 19127466 | Đinh Hoa Lư            | 29/06/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 30  | 19127469 | Đoàn Nhật Minh         | 04/04/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 31  | 19127470 | Lê Nhật Minh           | 10/04/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 32  | 19127513 | Nguyễn Đình Hồng Phúc  | 17/10/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 33  | 19127515 | Võ Đình Phúc           | 20/09/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 34  | 19127517 | Hồ Thiên Phước         | 11/05/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 35  | 19127549 | Tổng Tất Thành         | 06/08/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 36  | 19127560 | Nguyễn Đức Thịnh       | 17/04/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 37  | 19127567 | Võ Trần Quang Thông    | 22/09/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 38  | 19127571 | Nguyễn Quang Thuận     | 13/04/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 39  | 19127573 | Trần Đình Tiên         | 08/06/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 40  | 19127575 | Nguyễn Thái Tiến       | 10/05/2001 | Nam  | 19CLC2 |
| 41  | 19127590 | Trương Ngọc Minh Trâm  | 01/08/2001 | Nữ   | 19CLC2 |
| 42  | 19127636 | Phạm Nguyễn Tường Vy   | 09/10/2001 | Nữ   | 19CLC2 |
| 43  | 19127638 | Trương Bửu Ý           | 27/09/2001 | Nữ   | 19CLC2 |

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 2019 - CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO**

| STT | MSSV     | Họ tên                   | NTNS       | Phái | Mã lớp |
|-----|----------|--------------------------|------------|------|--------|
| 1   | 19127003 | Nguyễn Hữu Đạt           | 26/08/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 2   | 19127041 | Lê Thị Phương Linh       | 16/09/2001 | Nữ   | 19CLC3 |
| 3   | 19127084 | Phạm Anh Tuấn            | 28/02/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 4   | 19127173 | Hoàng Lê Khanh           | 04/04/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 5   | 19127216 | Đặng Hoàn Mỹ             | 29/12/2001 | Nữ   | 19CLC3 |
| 6   | 19127231 | Cao Quang Nhật           | 01/05/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 7   | 19127237 | Trương Minh Nhựt         | 19/11/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 8   | 19127246 | Trần Văn Quý Phước       | 08/08/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 9   | 19127250 | Phạm Hồng Quân           | 14/11/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 10  | 19127287 | Nguyễn Hoài Thương       | 21/01/2001 | Nữ   | 19CLC3 |
| 11  | 19127292 | Nguyễn Thanh Tình        | 12/03/1999 | Nam  | 19CLC3 |
| 12  | 19127295 | Trần Thế Toàn            | 07/05/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 13  | 19127321 | Trần Xuân Sơn            | 17/01/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 14  | 19127337 | Lê Thái Phúc Bảo         | 19/07/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 15  | 19127339 | Phạm Chi Bảo             | 06/06/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 16  | 19127376 | Nguyễn Bảo Duy           | 16/01/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 17  | 19127387 | Vũ Tuấn Hải              | 17/11/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 18  | 19127395 | Phan Đức Hiền            | 01/06/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 19  | 19127402 | Nguyễn Mạnh Hiếu         | 05/04/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 20  | 19127413 | Trần Khắc Hùng           | 14/11/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 21  | 19127447 | Nguyễn Phan Anh Khoa     | 12/09/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 22  | 19127456 | Nguyễn Thanh Kiên        | 15/02/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 23  | 19127468 | Phan Đức Mạnh            | 05/03/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 24  | 19127471 | Lương Kiểm Minh          | 06/02/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 25  | 19127472 | Nguyễn Bá Minh           | 22/03/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 26  | 19127481 | Trần Hoàng Nam           | 04/05/2000 | Nam  | 19CLC3 |
| 27  | 19127487 | Nguyễn Phan Khánh Nguyên | 29/08/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 28  | 19127496 | Trương Quang Minh Nhật   | 22/05/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 29  | 19127498 | Lê Yến Nhi               | 01/12/2001 | Nữ   | 19CLC3 |
| 30  | 19127510 | Huỳnh Trọng Phúc         | 05/05/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 31  | 19127514 | Thái Trần Hồng Phúc      | 01/01/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 32  | 19127522 | Lưu Đăng Quan            | 19/01/2000 | Nam  | 19CLC3 |
| 33  | 19127544 | Nguyễn Hoàn Hoài Tâm     | 14/10/2001 | Nữ   | 19CLC3 |
| 34  | 19127553 | Lê Trần Thanh Thiên      | 06/03/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 35  | 19127585 | Phạm Quốc Toàn           | 01/12/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 36  | 19127595 | Nguyễn Minh Trí          | 11/10/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 37  | 19127603 | Đỗ Tiến Trung            | 04/09/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 38  | 19127608 | Nguyễn Quang Trường      | 10/10/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 39  | 19127610 | Nguyễn Trần Ngọc Tú      | 28/08/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 40  | 19127612 | Trần Anh Tú              | 18/11/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 41  | 19127615 | Nguyễn Anh Tuấn          | 01/01/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 42  | 19127624 | Đỗ Đình Văn              | 03/11/2001 | Nam  | 19CLC3 |
| 43  | 19127635 | Hồ Nguyễn Lê Vy          | 03/02/2001 | Nữ   | 19CLC3 |

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 2019 - CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO**

| STT | MSSV     | Họ tên                   | NTNS       | Phái | Mã lớp |
|-----|----------|--------------------------|------------|------|--------|
| 1   | 19127011 | Nguyễn Quốc Bảo          | 02/07/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 2   | 19127033 | Trịnh Anh Khoa           | 22/10/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 3   | 19127037 | Võ Bách Khôi             | 17/02/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 4   | 19127059 | Lê Hoàng Phúc            | 05/05/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 5   | 19127065 | Lê Nguyễn Hồng Sơn       | 24/05/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 6   | 19127103 | Nguyễn Thái Bình         | 12/10/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 7   | 19127124 | Nguyễn Hoàng Đức         | 09/05/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 8   | 19127161 | Nguyễn Quang Huy         | 23/08/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 9   | 19127218 | Võ Hoàng Nam             | 30/07/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 10  | 19127264 | Nguyễn Ngọc Phú Sỹ       | 31/03/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 11  | 19127265 | Nguyễn Tấn Tài           | 21/08/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 12  | 19127272 | Huỳnh Huy Tấn            | 05/09/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 13  | 19127277 | Võ Xuân Thiên            | 03/12/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 14  | 19127303 | Hình Ích Trình           | 19/10/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 15  | 19127331 | Mai Hoàng Anh            | 21/04/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 16  | 19127333 | Nguyễn Trung Anh         | 20/11/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 17  | 19127338 | Nguyễn Huỳnh Thế Bảo     | 17/09/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 18  | 19127343 | Nguyễn Hoàng Bửu         | 13/03/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 19  | 19127344 | Huỳnh Lợi Chuẩn          | 11/02/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 20  | 19127360 | Dương Thị Xuân Diệu      | 27/01/2001 | Nữ   | 19CLC4 |
| 21  | 19127361 | Nguyễn Thị Ngọc Diệu     | 14/07/2001 | Nữ   | 19CLC4 |
| 22  | 19127365 | Phan Khải Đông           | 07/12/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 23  | 19127371 | Vũ Thái Dương            | 14/11/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 24  | 19127378 | Nguyễn Việt Thanh Duy    | 18/04/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 25  | 19127383 | Huỳnh Hoàng Giang        | 30/11/2001 | Nữ   | 19CLC4 |
| 26  | 19127398 | Vũ Quang Hiệp            | 07/01/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 27  | 19127414 | Bùi Văn Hưng             | 30/08/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 28  | 19127419 | Hoàng Minh Huy           | 19/11/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 29  | 19127485 | Lê Thành Ngọc            | 23/03/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 30  | 19127501 | Trần Phạm Minh Nhựt      | 24/03/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 31  | 19127504 | Nguyễn Xuân Phát         | 26/03/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 32  | 19127520 | Nguyễn Trường Phước      | 17/07/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 33  | 19127526 | Phạm Tiến Quân           | 27/11/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 34  | 19127532 | Võ Văn Chánh Quang       | 09/12/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 35  | 19127542 | Trần Thanh Sơn           | 23/02/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 36  | 19127557 | Đặng Tú Thiệu            | 29/08/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 37  | 19127559 | Lương Trường Thịnh       | 09/02/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 38  | 19127572 | Trần Hoàng Phương Thy    | 19/02/2001 | Nữ   | 19CLC4 |
| 39  | 19127581 | Huỳnh Lập Tín            | 11/05/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 40  | 19127584 | Mạch Cảnh Toàn           | 15/09/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 41  | 19127609 | Đinh Quang Tú            | 22/04/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 42  | 19127611 | Phạm Minh Tú             | 16/11/2001 | Nam  | 19CLC4 |
| 43  | 19127619 | Nguyễn Huỳnh Khang Tường | 22/09/2001 | Nam  | 19CLC4 |

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 2019 - CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO**

| STT | MSSV     | Họ tên                 | NTNS       | Phái | Mã lớp |
|-----|----------|------------------------|------------|------|--------|
| 1   | 19127005 | Trần Phan Thanh Hải    | 15/02/1999 | Nam  | 19CLC5 |
| 2   | 19127009 | Lữ Thế Vỹ              | 17/03/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 3   | 19127010 | Nguyễn Minh An         | 11/11/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 4   | 19127038 | Phạm Trọng Vinh Khuê   | 19/12/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 5   | 19127044 | Đặng Lê Minh           | 25/12/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 6   | 19127054 | Thái Duy Nguyễn        | 27/04/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 7   | 19127067 | Hoàng Như Thanh        | 26/07/2001 | Nữ   | 19CLC5 |
| 8   | 19127078 | Nguyễn Đỗ Thanh Trúc   | 25/06/2001 | Nữ   | 19CLC5 |
| 9   | 19127081 | Trần Đại Hoàng Trung   | 27/09/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 10  | 19127082 | Nguyễn Tất Trường      | 01/04/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 11  | 19127097 | Nguyễn Ngọc Phương Anh | 19/04/2001 | Nữ   | 19CLC5 |
| 12  | 19127107 | Nguyễn Thu Thảo Châu   | 22/01/2001 | Nữ   | 19CLC5 |
| 13  | 19127109 | Bùi Ngọc Chính         | 17/10/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 14  | 19127122 | Lâm Trí Đức            | 05/11/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 15  | 19127142 | Trần Thái Đức Hiếu     | 09/08/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 16  | 19127146 | Lê Nguyễn Huy Hoàng    | 06/12/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 17  | 19127155 | Vũ Việt Hưng           | 04/11/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 18  | 19127172 | Nguyễn Duy Khang       | 30/01/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 19  | 19127189 | Hồ Lâm Bảo Khuyên      | 24/01/2001 | Nữ   | 19CLC5 |
| 20  | 19127191 | Ngô Văn Anh Kiệt       | 10/02/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 21  | 19127201 | Lê Quang Tấn Long      | 02/02/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 22  | 19127213 | Trần Hoàng Minh        | 17/10/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 23  | 19127222 | Nguyễn Hiếu Nghĩa      | 31/07/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 24  | 19127242 | Đỗ Vương Phúc          | 16/10/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 25  | 19127268 | Nguyễn Ngọc Thanh Tâm  | 12/10/2001 | Nữ   | 19CLC5 |
| 26  | 19127301 | Trương Minh Trí        | 18/01/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 27  | 19127311 | Trần Thanh Tùng        | 05/08/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 28  | 19127390 | Nguyễn Đình Hào        | 28/09/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 29  | 19127416 | Mạc Văn Hưng           | 29/07/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 30  | 19127420 | Huỳnh Bá Huy           | 31/03/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 31  | 19127432 | Dương Lê Xuân Khang    | 13/03/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 32  | 19127451 | Lê Nguyễn Anh Khôi     | 18/11/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 33  | 19127454 | Văn Đình Khôi          | 04/08/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 34  | 19127462 | Vũ Xuân Lộc            | 23/03/2000 | Nam  | 19CLC5 |
| 35  | 19127500 | Nguyễn Thành Nhơn      | 30/12/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 36  | 19127511 | La Ngọc Hồng Phúc      | 04/08/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 37  | 19127551 | Huỳnh Thu Thảo         | 13/09/2001 | Nữ   | 19CLC5 |
| 38  | 19127562 | Chung Thế Thọ          | 08/01/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 39  | 19127568 | Nguyễn Thị Minh Thu    | 15/01/2001 | Nữ   | 19CLC5 |
| 40  | 19127596 | Trần Hữu Trí           | 10/02/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 41  | 19127643 | Nguyễn Mai Xuân Huyền  | 17/08/2001 | Nữ   | 19CLC5 |
| 42  | 19127644 | Chung Kim Khánh        | 05/09/2001 | Nữ   | 19CLC5 |
| 43  | 19127645 | Bùi Đăng Khoa          | 16/03/2001 | Nam  | 19CLC5 |
| 44  | 19127650 | Trần Quốc Tuấn         | 08/01/2001 | Nam  | 19CLC5 |

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 2019 - CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO**

| STT | MSSV     | Họ tên                 | NTNS       | Phái | Mã lớp |
|-----|----------|------------------------|------------|------|--------|
| 1   | 19127048 | Nguyễn Đức Nam         | 22/11/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 2   | 19127080 | Nguyễn Thành Trung     | 03/01/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 3   | 19127095 | Ngô Huy Anh            | 10/01/1999 | Nam  | 19CLC6 |
| 4   | 19127098 | Phạm Ngọc Anh          | 02/08/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 5   | 19127115 | Cao Nguyễn Trọng Danh  | 25/07/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 6   | 19127125 | Lê Duy Dũng            | 10/03/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 7   | 19127134 | Nguyễn Gia Hân         | 29/06/2001 | Nữ   | 19CLC6 |
| 8   | 19127293 | Lê Bá Khánh Toàn       | 20/10/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 9   | 19127342 | Phạm Nguyễn Thanh Bình | 24/11/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 10  | 19127350 | Đặng Huỳnh Dao         | 26/09/2001 | Nữ   | 19CLC6 |
| 11  | 19127356 | Nguyễn Tiến Đạt        | 25/04/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 12  | 19127370 | Nguyễn Bình Dương      | 06/03/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 13  | 19127381 | Trần Đức Duy           | 29/06/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 14  | 19127392 | Tô Gia Hào             | 10/07/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 15  | 19127399 | Huỳnh Cao Nhật Hiếu    | 03/01/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 16  | 19127418 | Biên Vũ Đăng Huy       | 05/10/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 17  | 19127422 | Nguyễn Đức Huy         | 04/04/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 18  | 19127429 | Trần Tuấn Kha          | 04/08/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 19  | 19127444 | Ngô Đăng Khoa          | 09/08/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 20  | 19127449 | Phùng Anh Khoa         | 24/08/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 21  | 19127459 | Đoàn Nguyễn Hương Lan  | 09/07/2001 | Nữ   | 19CLC6 |
| 22  | 19127476 | Trần Thị Huệ Minh      | 14/11/2001 | Nữ   | 19CLC6 |
| 23  | 19127478 | Bùi Huỳnh Trung Nam    | 17/02/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 24  | 19127486 | Nguyễn Lê Nguyên       | 26/02/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 25  | 19127493 | Lê Ngọc Minh Nhật      | 02/12/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 26  | 19127505 | Triệu Nguyên Phát      | 12/11/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 27  | 19127525 | Nguyễn Thanh Quân      | 01/06/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 28  | 19127530 | Hoàng Đức Quang        | 05/10/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 29  | 19127535 | Trần Kiến Quốc         | 28/03/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 30  | 19127539 | Nguyễn Sơn             | 25/05/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 31  | 19127563 | Nguyễn Hoàng Thông     | 14/03/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 32  | 19127582 | Nguyễn Trung Tín       | 18/04/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 33  | 19127588 | Nguyễn Bảo Trâm        | 11/11/2001 | Nữ   | 19CLC6 |
| 34  | 19127613 | Phan Đình Tuấn         | 26/03/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 35  | 19127616 | Phùng Quốc Tuấn        | 07/11/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 36  | 19127622 | Ngô Trường Tuyền       | 28/03/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 37  | 19127625 | Lâm Chí Văn            | 28/06/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 38  | 19127627 | Nguyễn Đức Việt        | 19/10/2000 | Nam  | 19CLC6 |
| 39  | 19127633 | Nguyễn Phan Vũ         | 15/10/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 40  | 19127637 | Nguyễn Khắc Vỹ         | 17/07/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 41  | 19127640 | Hoàng Hữu Giáp         | 24/01/2001 | Nam  | 19CLC6 |
| 42  | 19127651 | Trần Anh Túc           | 27/03/2001 | Nữ   | 19CLC6 |
| 43  | 19127629 | Nguyễn Tân Việt        | 06/08/2001 | Nam  | 19CLC6 |

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 2019 - CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO**

| STT | MSSV     | Họ tên                 | NTNS       | Phái | Mã lớp |
|-----|----------|------------------------|------------|------|--------|
| 1   | 19127015 | Huỳnh Tuấn Đạt         | 29/06/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 2   | 19127034 | Đoàn Ngọc Như Khôi     | 01/10/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 3   | 19127051 | Lưu Thị Hồng Ngọc      | 24/07/2001 | Nữ   | 19CLC7 |
| 4   | 19127055 | Lê Vũ Minh Nhật        | 16/02/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 5   | 19127072 | Nguyễn Năng Tiến       | 22/10/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 6   | 19127116 | Đinh Phát Đạt          | 05/12/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 7   | 19127127 | Triều Minh Dũng        | 14/06/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 8   | 19127135 | Phạm Bảo Hân           | 15/07/2001 | Nữ   | 19CLC7 |
| 9   | 19127149 | Trần Việt Hoàng        | 01/11/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 10  | 19127154 | Nguyễn Thế Hưng        | 28/08/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 11  | 19127177 | Nguyễn Đăng Khoa       | 07/04/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 12  | 19127183 | Dương Minh Khôi        | 22/02/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 13  | 19127200 | Hoàng Duy Thành Long   | 12/08/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 14  | 19127204 | Nguyễn Lương Minh Long | 01/10/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 15  | 19127207 | Võ Phan Bá Luân        | 06/01/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 16  | 19127208 | Lê Kỳ Lương            | 06/05/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 17  | 19127214 | Trần Hồng Minh         | 30/08/2001 | Nữ   | 19CLC7 |
| 18  | 19127257 | Phạm Nhật Quang        | 22/10/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 19  | 19127276 | Nguyễn Đăng Thi        | 21/01/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 20  | 19127279 | Dương Quốc Thiện       | 27/09/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 21  | 19127302 | Phạm Đoàn Ngọc Trinh   | 10/08/2001 | Nữ   | 19CLC7 |
| 22  | 19127317 | Nguyễn Mạnh Vũ         | 12/05/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 23  | 19127349 | Phan Công Hữu Danh     | 28/02/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 24  | 19127358 | Nguyễn Trọng Đạt       | 29/01/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 25  | 19127366 | Long Mỹ Du             | 01/12/2001 | Nữ   | 19CLC7 |
| 26  | 19127374 | Huỳnh Minh Duy         | 12/10/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 27  | 19127380 | Phan Tường Duy         | 28/09/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 28  | 19127386 | Dương Xuân Hải         | 29/03/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 29  | 19127415 | Huỳnh Duy Hưng         | 25/06/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 30  | 19127467 | Nguyễn Thành Luân      | 27/03/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 31  | 19127479 | Đinh Thành Nam         | 16/09/1999 | Nam  | 19CLC7 |
| 32  | 19127533 | Lê Hoàng Anh Quốc      | 02/09/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 33  | 19127548 | Đặng Công Thành        | 22/12/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 34  | 19127550 | Trần Minh Thành        | 14/03/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 35  | 19127561 | Nguyễn Phú Thịnh       | 29/03/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 36  | 19127565 | Nguyễn Quốc Thông      | 26/03/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 37  | 19127574 | Lâm Ngọc Tiến          | 06/01/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 38  | 19127592 | Lê Minh Trí            | 08/05/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 39  | 19127639 | Phan Vĩ Giai           | 30/06/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 40  | 19127641 | Trần Trung Hiếu        | 04/09/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 41  | 19127642 | Võ Nhất Huy            | 14/09/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 42  | 19127646 | Nguyễn Văn Tấn Phong   | 20/04/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 43  | 19127647 | Nguyễn Phú Quý         | 14/06/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 44  | 19127648 | Tăng Gia Quyền         | 07/04/2001 | Nam  | 19CLC7 |
| 45  | 19127649 | Tô Thanh Tuấn          | 15/08/2001 | Nam  | 19CLC7 |

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 2019 - CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO**

| STT | MSSV     | Họ tên                 | NTNS       | Phái | Mã lớp |
|-----|----------|------------------------|------------|------|--------|
| 1   | 19127074 | Nguyễn Ngọc Uyên Trang | 27/02/2001 | Nữ   | 19CLC8 |
| 2   | 19127083 | Nguyễn Hữu Tuấn        | 12/02/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 3   | 19127100 | Lê Trần Gia Bảo        | 12/05/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 4   | 19127114 | Phạm Thành Đăng        | 09/11/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 5   | 19127126 | Nguyễn Văn Hùng Dũng   | 15/10/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 6   | 19127131 | Phạm Anh Duy           | 03/01/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 7   | 19127196 | Trương Hoàng Lâm       | 17/08/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 8   | 19127230 | Nguyễn Trí Nhân        | 21/07/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 9   | 19127294 | Nguyễn Trần Thiện Toàn | 01/01/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 10  | 19127304 | Trần Khải Trúc         | 21/01/2001 | Nữ   | 19CLC8 |
| 11  | 19127309 | Phan Mạnh Trường       | 27/08/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 12  | 19127323 | Phan Việt Thắng        | 19/02/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 13  | 19127334 | Trần Đông Ba           | 24/09/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 14  | 19127347 | Kiều Hải Đăng          | 20/06/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 15  | 19127352 | Hồ Vạn Đạt             | 23/10/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 16  | 19127363 | Lê Văn Đông            | 10/10/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 17  | 19127369 | Lê Minh Đức            | 10/06/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 18  | 19127372 | Đặng Nguyễn Duy        | 13/02/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 19  | 19127373 | Hồ Văn Duy             | 05/04/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 20  | 19127384 | Nguyễn Trường Giang    | 30/05/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 21  | 19127385 | Phạm Lê Hạ             | 23/06/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 22  | 19127389 | Đặng Kiệt Hào          | 07/11/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 23  | 19127400 | Lã Minh Hiếu           | 07/05/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 24  | 19127410 | Vũ Quang Hợp           | 03/09/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 25  | 19127417 | Trần Hữu Hưng          | 27/06/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 26  | 19127441 | Trần Nam Khánh         | 02/01/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 27  | 19127460 | Nguyễn Nhật Linh       | 28/01/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 28  | 19127489 | Hoàng Thiện Nhân       | 06/02/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 29  | 19127497 | Dương Thị Yến Nhi      | 23/04/2001 | Nữ   | 19CLC8 |
| 30  | 19127502 | Lâm Thịnh Phát         | 28/11/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 31  | 19127519 | Nguyễn Ngọc Phước      | 18/05/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 32  | 19127521 | Nguyễn Thị Như Phương  | 13/04/2001 | Nữ   | 19CLC8 |
| 33  | 19127523 | Đặng Nguyễn Minh Quân  | 11/10/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 34  | 19127531 | Tăng Thanh Quang       | 29/08/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 35  | 19127538 | Nguyễn Lê Hữu Sang     | 15/11/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 36  | 19127558 | Bùi Phú Thịnh          | 11/07/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 37  | 19127577 | Phạm Duy Tiến          | 18/05/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 38  | 19127578 | Trương Minh Tiến       | 08/01/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 39  | 19127579 | Vũ Trần Việt Tiến      | 07/03/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 40  | 19127586 | Phan Minh Toàn         | 02/08/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 41  | 19127587 | Trương Chí Toàn        | 13/11/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 42  | 19127626 | Lê Nguyễn Tú Văn       | 16/06/2001 | Nam  | 19CLC8 |
| 43  | 19127631 | Dương Tiến Vinh        | 03/09/2001 | Nam  | 19CLC8 |

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 2019 - CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO**

| STT | MSSV     | Họ tên                 | NTNS       | Phái | Mã lớp |
|-----|----------|------------------------|------------|------|--------|
| 1   | 19127027 | Võ Hoàng Bảo Duy       | 08/08/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 2   | 19127040 | Trần Ngọc Lam          | 16/06/2001 | Nữ   | 19CLC9 |
| 3   | 19127057 | Trần Vĩnh Phát         | 02/02/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 4   | 19127064 | Lê Minh Sĩ             | 10/01/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 5   | 19127088 | Nguyễn Phương Vy       | 13/03/2001 | Nữ   | 19CLC9 |
| 6   | 19127102 | Võ Hoàng Gia Bảo       | 18/06/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 7   | 19127108 | Ngô Phú Chiến          | 18/09/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 8   | 19127120 | Ngô Nhật Du            | 01/11/2001 | Nữ   | 19CLC9 |
| 9   | 19127165 | Võ Gia Huy             | 02/10/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 10  | 19127166 | Huỳnh Tuấn Kha         | 26/01/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 11  | 19127219 | Nguyễn Kim Thị Tố Nga  | 07/02/2001 | Nữ   | 19CLC9 |
| 12  | 19127281 | Trần Minh Thiện        | 28/05/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 13  | 19127326 | Vương Thành An         | 21/11/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 14  | 19127330 | Lê Tâm Anh             | 27/08/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 15  | 19127336 | La Gia Bảo             | 23/11/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 16  | 19127341 | Vương Hoàng Bảo        | 01/01/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 17  | 19127359 | Trương Diệu Đạt        | 03/01/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 18  | 19127368 | Hồ Ngọc Minh Đức       | 29/10/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 19  | 19127396 | Phan Thiên Vinh Hiền   | 10/01/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 20  | 19127406 | Ngô Huy Hoàng          | 07/06/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 21  | 19127424 | Triệu Nguyễn Minh Huy  | 04/07/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 22  | 19127426 | Vũ Đức Quang Huy       | 08/10/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 23  | 19127442 | Lê Thanh Khiêm         | 02/02/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 24  | 19127448 | Phạm Đắc Khoa          | 27/11/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 25  | 19127457 | Nguyễn Tuấn Kiệt       | 15/06/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 26  | 19127480 | Nguyễn Ngọc Phương Nam | 01/01/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 27  | 19127484 | Ngô Trung Nghĩa        | 16/12/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 28  | 19127491 | Nguyễn Trọng Nhân      | 22/04/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 29  | 19127503 | Ngô Quốc Phát          | 19/02/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 30  | 19127508 | Trần Bảo Phú           | 07/06/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 31  | 19127509 | Trương Thế Phú         | 06/12/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 32  | 19127528 | Trần Thái Quân         | 12/12/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 33  | 19127546 | Trần Hoàng Thái        | 11/09/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 34  | 19127556 | Nguyễn Thanh Thiện     | 15/10/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 35  | 19127580 | Nguyễn Mác Tin         | 26/08/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 36  | 19127597 | Trần Khả Trí           | 01/04/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 37  | 19127600 | Lê Quốc Trọng          | 26/06/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 38  | 19127604 | Lê Quốc Trung          | 29/04/2000 | Nam  | 19CLC9 |
| 39  | 19127607 | Trần Nguyên Trung      | 10/08/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 40  | 19127614 | Nguyễn Anh Tuấn        | 25/12/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 41  | 19127628 | Nguyễn Mậu Việt        | 20/11/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 42  | 19127630 | Trần Quốc Việt         | 11/02/2001 | Nam  | 19CLC9 |
| 43  | 19127632 | Nguyễn Hoàng Vũ        | 05/11/2001 | Nam  | 19CLC9 |

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 2019 - CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO**

| STT | MSSV     | Họ tên                | NTNS       | Phái | Mã lớp  |
|-----|----------|-----------------------|------------|------|---------|
| 1   | 19127017 | Trương Gia Đạt        | 20/12/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 2   | 19127021 | Hồ Anh Dũng           | 26/07/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 3   | 19127029 | Nguyễn Tiến Hùng      | 15/07/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 4   | 19127093 | Trần Phan Phước An    | 08/08/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 5   | 19127094 | Phạm Ngọc Thiên Ân    | 17/01/2000 | Nam  | 19CLC10 |
| 6   | 19127104 | Nguyễn Văn Bình       | 25/04/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 7   | 19127132 | Trần Quang Duy        | 04/10/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 8   | 19127144 | Nguyễn Thành Hiệu     | 24/09/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 9   | 19127197 | Hoàng Thị Quỳnh Liên  | 25/08/2001 | Nữ   | 19CLC10 |
| 10  | 19127245 | Trần Thiên Phúc       | 28/12/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 11  | 19127328 | Đỗ Quốc Anh           | 23/08/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 12  | 19127332 | Nguyễn Nam Anh        | 23/01/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 13  | 19127362 | Lê Xuân Đình          | 29/12/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 14  | 19127375 | Lê Vũ Anh Duy         | 07/10/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 15  | 19127388 | Bùi Nguyễn Nhật Hào   | 27/05/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 16  | 19127401 | Lê Trung Hiếu         | 10/09/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 17  | 19127404 | Phan Trung Hiếu       | 13/03/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 18  | 19127411 | Hoàng Vĩnh Bảo Huân   | 12/04/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 19  | 19127412 | Lê Tiến Hùng          | 20/10/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 20  | 19127423 | Nguyễn Trần Phi Huy   | 12/08/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 21  | 19127427 | Lê Duy Kha            | 02/05/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 22  | 19127437 | Đinh Trọng Khánh      | 29/04/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 23  | 19127440 | Trần Hoàng Ngân Khánh | 08/04/2001 | Nữ   | 19CLC10 |
| 24  | 19127458 | Nguyễn Văn Lâm        | 21/11/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 25  | 19127465 | Phan Văn Long         | 01/04/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 26  | 19127482 | Trần Trọng Nam        | 24/08/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 27  | 19127488 | Phan Ngọc Nguyên      | 17/08/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 28  | 19127494 | Đỗ Minh Nhật          | 04/11/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 29  | 19127495 | Lê Hoàng Nhật         | 02/02/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 30  | 19127506 | La Trường Phi         | 24/04/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 31  | 19127527 | Phan Thiên Quân       | 02/06/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 32  | 19127534 | Phạm Nguyễn Anh Quốc  | 22/09/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 33  | 19127536 | Võ Lâm Hải Quốc       | 06/05/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 34  | 19127537 | Quách Quang Quý       | 02/02/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 35  | 19127540 | Nguyễn Hoàng Vinh Sơn | 06/02/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 36  | 19127569 | Nguyễn Huy Anh Thư    | 01/11/2001 | Nữ   | 19CLC10 |
| 37  | 19127576 | Phạm Đoàn Tiến        | 12/09/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 38  | 19127583 | Nguyễn Trọng Tính     | 21/10/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 39  | 19127594 | Nguyễn Đăng Trí       | 01/10/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 40  | 19127599 | Nguyễn Văn Minh Triết | 13/08/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 41  | 19127601 | Trần Hữu Trọng        | 06/05/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 42  | 19127618 | Nguyễn Thanh Tùng     | 17/01/2001 | Nam  | 19CLC10 |
| 43  | 19127620 | Nguyễn Văn Vũ Tường   | 12/12/2001 | Nam  | 19CLC10 |